

Xuân của đất trời : Cao Hồ Cốt & Sâm, Nhung, Quế, Phụ

Nguyễn thị Mắt Nâu

*Xuân đi xuân đến hãy còn xuân...
Xuân đến xuân đi biết bao lần ...
Xuân chẳng bao giờ là cũ cả.
Vì thế tuổi già, mãi mãi vẫn còn xuân.*

“Ngày xưa ngày xưa”:

... Thời đó ở Việt Nam, nhà có người già mà được ai đem biếu lạng cao hồ cốt thì không gì quý hóa bằng - Chả là trong quan niệm cổ truyền của người Á đông “Ăn gì bổ nấy”. Người ta quan niệm các tinh túy được rút từ các sừng hươu nai hay trong

xương cốt mảnh thú như cạp đều là chất bổ, giúp tăng cường sức khỏe cho con người, nhất là người cao tuổi, già ốm, đau yếu.

Con người chế tạo ra nhiều loại cao, tức là đem cô đặc từ những tinh chất của con thú, để thành cao ban long, cao qui bản, cao bú dù ... và quý nhất là cao hổ cốt, là thú cao cô đặc từ xương tủy, cốt lõi của con cạp.

Quá trình làm cao khá công phu: Bộ xương cạp đem về, hong vài ngày cho bớt mùi hôi, rồi ngâm, cao, rửa sạch thịt, sạch gân, đem tẩy với rượu trắng, rồi chửa, chặt, chẻ từng khúc nhỏ, phơi nhiều nắng, sau đó sao vàng với gừng, với lá trầu giã nhỏ, phun rượu ba-xi-đê... để khử mùi gây gây, hơi hơi của cạp, rồi rang lên và hạ thổ, sau đó tiến hành nấu nhiều giờ lấy nước và cô đặc thành cao... Cuối cùng đổ ra khay, chờ nguội, cắt thành từng lạng, gói giấy bóng kính...

Người ta gọi cạp bằng nhiều tên: Cạp, Hồ, Hùm - do tôn trọng cũng như sợ cạp, nên còn gọi là Ông Ba Mươi hay Ông Hồ, và Ông Kẽnh (để dọa trẻ con). Họ quý cả móng vuốt cạp, và thường lấy đeo cho trẻ con, mong trẻ dễ nuôi, đỡ giật mình, an giấc, ổn định thần kinh...

Thời đó, một số người đi rừng, đã mua lại những bộ xương cọp về nấu cao hổ cốt và như thế mới yên tâm là cao hổ cốt thật, không bị pha chế xương trâu bò hay xương khác.

Ở nước ta, Hồ được tiếng là dữ dằn, hay đi lùng bắt các thú nuôi như trâu, bò, lợn, dê và bắt cả người.

Cọp hay hổ là mãnh thú được con người nể sợ, không chỉ ở nước mình (VN), mà còn ở Sundarban Ấn Độ và Banladesh vùng vịnh Bengal.

Trong tiếng Tây “ba rọi” có người đã diễn tả “Ông Ba Mười” một cách dí dỏm hóm hỉnh rằng:

“Lủy mắt sốt bóp như ba bẫy bóp. Lủy tí tí giôn, tí tí noa. Lủy hằm lủy hực. Lủy mặng giê toa. Lủy xực cả moa”. Tạm dịch: Nó giống con bò nhưng không phải con bò. Một tí vàng, một tí đen. Nó hằm nó hừ. Nó ăn thịt anh, ăn thịt cả tôi .

- Trong văn chương cũ Việt Nam, hổ được nhắc đến trong nhiều trường hợp.

Câu chuyện “Hổ và Người”, được ghi trong các chương cổ tích, với tựa đề khác như “Trí Khôn của Loài người” ... Mục đích cho thấy cái hữu đồng vô

mưu của mãnh thú, thua trí khôn của thằng người bé nhỏ... và lấu cá.

Quả thật đầu óc của con vật thua xa đầu óc của một con người bé nhỏ. Nhưng đôi khi con vật lại có thiên lương hơn con người. Truyện xưa kể rằng:

“Tại bìa rừng heo hút kia có một bà lang, tay nghề rất giỏi. Người từ các thôn bản xa xôi khi bệnh tật đều đến xin bà cho vài thang thuốc là khỏi. Tuy thuốc nam chỉ là hoa lá, củ rễ cây rừng. Nhưng cây cối ấy phải tận rừng sâu, tụ khí âm dương thanh tĩnh của đất trời. Cho nên có khi phải hái lúc sương móc lạnh người, có khi là lúc sương tan nguyệt tận, lại có lúc phải chờ bóng cây xoay tròn đúng ngọn mới hái đem về, với dao cầu thuyền tán mà pha chế thành thuốc này thuốc nọ cứu người.

Một chiều vừa về tới nhà, chưa kịp tháo túi lá ra, bà nhìn thấy một con cọp cái đang nằm phủ phục trước sân. Đôi mắt nó long lanh như nhỏ lệ, như van xin cầu khẩn. Khi bà từ từ đi đến, cọp bèn ngậm lấy túi thuốc và lấy đầu hất nhẹ bà lên lưng, rồi nó chạy như bay về hang. Nơi ấy cọp con đang nằm thở thoi thóp. Bà vội vàng lấy mớ lá ra nhai và mớm cho cọp con... Sau mấy lần cọp mẹ đến mời bà lang như thế, cọp con khỏi bệnh. Và cũng từ đó cứ vài ngày khi

buổi sáng vừa mở cửa ra, bà đã thấy trước sân nhà khi thì con nai khi thì con hoẵng với đầy dấu chân hổ chung quanh”.

Tình mẫu tử của hổ cái như thế, khác chi loài người, nên tục ngữ có câu “*Hổ dữ không ăn thịt con*”. Hổ còn biết nhớ ơn người đã giúp mình, không như một số người vong ân bội nghĩa, ăn cháo đá bát.

- Hổ cũng được nhắc đến trong cuốn “Thần Hổ” của tác giả Tchya, người đã thuật lại linh khí của một con thú, không chỉ rành mạch về thể chất mà cả về tâm linh - Hổ thần, cai quản các con hổ trong vùng, có uy thế, uy quyền, có cảm ứng với các đối tượng qua thần khí và sắc khí của họ ... Hổ có trí nhớ dai, nhờ tính này, tìm được kẻ thù xưa, từng rình rập sẵn đuổi đánh, bắn, đến nỗi hổ bị tật nguyền... sau đó toại nguyện, vì máu được đánh đổi bằng máu, khiến danh từ Thần Hổ ám ảnh và đi vào trí óc người dân chất phác tại vùng thượng du Bắc Việt, và quanh vùng đã lập miếu thờ khắc hình Ông Ba mươi, dành cho dân kiếm củi hay dân đi săn trong rừng, đến khẩn xin thần hổ tha mạng. - Không ai biết tên thật của người viết, và chỉ phân tích T.C.H.Y.A là “Tôi chẳng yêu ai” .

- Trong truyện Thủy Hử của Tàu, người ta cũng nhắc đến tính hung bạo của hồ. Mãi sau nhờ Võ Tòng dùng tay không, đánh thắng hồ, được lưu truyền trong vở tuồng “Võ Tòng đả hồ” vào thập niên 30-40. Vở tuồng dân gian này có trình diễn ở rạp Quảng Lạc, ngõ Sầm Công, Hà Nội.

- Tại Sumatra, Nam Thái Lan và bán đảo Mã Lai, những thổ dân da đen cho rằng Hồ được đấng tối cao trao cho nhiệm vụ trả thù, hoặc trừng phạt những kẻ phạm những luật lệ cấm của bộ lạc.

- Dân tộc Medriq, tin Hồ là con của Thiên Lôi và nữ thần, nằm trong trung tâm trái đất. Do đó hồ là sự liên hệ giữa thần sấm sét và trần thế này.

- Tại Ấn Độ, các thần linh đều dùng hồ để cưới, như Jolishmatic (thần của linh dược), Aurkak (thần cai quản chu kỳ 30 năm), Shukra (thầy tu của quỷ dữ) ... Những vị cưới hồ gọi là Vahana. Không đâu kính nể hồ bằng dân vùng châu thổ bùn lầy Sundarbans, nơi hồ hoành hành nhất thế giới. Nơi hàng năm có hàng trăm người bị cọp vồ ăn thịt mà không một chương trình nào của chính quyền đứng ra bảo vệ thân mạng con người - Ấn Độ hy vọng được bảo vệ hồ, duy trì hồ sống sót. Xứ sở này, hồ làm người dân sợ hãi, nhưng không thù hận. Tuy

không yêu thích, nhưng hổ được kính thờ, với lý do giản dị: được coi là thần linh ngự trị trên mảnh đất say mê và quyền rũ Ấn Độ.

- Hồ vùng Á châu, từ viễn đông Nga tới vùng Ararat, Thổ Nhĩ Kỳ, giáp Iran, vào đầu thế kỷ, được coi là vùng có nhiều hổ - Người ta ước tính có 40.000 bạch hổ (hổ trắng) gọi là Royal Bengal Tiger sống trong vùng. Muốn xem loại hổ này, xin đến Las Vegas, nước Mỹ, nơi có cặp hổ trắng được trưng bày - Hồ mà trưng bày cũng coi như “cá chậu, chim lồng”.

- Trong cuốn “Linh Hồn của Hổ” (The Soul of Tiger) nhà nhân chủng học Jeffrey Mc Neely, và tâm lý gia Spencer Wachel kể lại rằng : Một con hổ Miến Điện ăn thịt người, bị bắn chết sau khi sát hại 24 người dân làng. Những thổ dân đã tụ quanh xác hổ, bày hương hoa cúng bái, cầu xin hổ tha tội đã giết hổ và chúc hổ bình an nơi chín suối.

Trong thơ văn, nhà thơ Thế Lữ của Việt Nam nhắc đến hổ trong bài thơ “Nhớ Rừng” - Bài thơ nổi tiếng trong văn học mới, nhiều người thích, nhớ và thuộc nó -

Hổ nhớ Rừng là âm vang nhưng nhớ điều tàn, vọng lại sau kiệt quệ, bi ai, tuyệt vọng, vì nỗi suy thoái đau thương tưởng nhớ một thời quá khứ. Tiếc và nhớ thời oanh liệt trong hư không:

*Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua
Nhớ cảnh sơn lâm với bóng cả cây già
Nhớ tiếng suối gào ngàn, với giọng nguồn hét
núi*

*Nhớ những lúc khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên đồng dục đường hoàng
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vờn bóng âm thầm lá gai cỏ sắc
Trong bóng tối mắt thần khi đã quắc
Là khiến cho mọi vật đều im hơi
Ta biết ta chúa tể của muôn loài
Của chốn thảo hoa không tên tuổi...*

Hình ảnh oai phong của chúa sơn lâm, tha thiết đến ủ ê, nung nấu hoang tàn...

Đó là Hổ trong thơ Thế Lữ. Là nỗi u tình trong trung trinh, vàng son tiếc nuối.

Tuy thân hình to lớn vạm vỡ, đồ sộ, nhưng hổ đi chuyễn rất nhẹ nhàng, bước chân không gây tiếng

động, nhanh gọn, trong mọi địa hình địa thế nơi rừng sâu với những vằn vàng vằn đen chen nhau, đẹp mềm mại như tấm nhung di động, mỹ thuật tuyệt vời.

Người ta bảo những con hổ què, thường dữ và tàn ác hơn con hổ bình thường lành lặn - Cũng là tâm sinh lý chung của muôn loài, và chắc cũng không khác mấy với loài người - hoạn quan trong cung cấm thời phong kiến là một điển hình.

Nhưng dù thế nào, nấu xương hổ để làm cao hổ cốt, phục vụ sức khỏe con người, xem ra cũng ác. Cái lý lẽ “vật dưỡng nhân” là một quan điểm đặc thù của loài người, một loài luôn cho mình có quyền hưởng dụng trên tất cả muôn loài - Trái luật công bằng của trời đất, thượng đế, khi khai thiên lập địa.

Theo tạp chí National Geographic Magazine, hổ được liệt vào loài dã thú, mãnh thú, đang lâm vào họa diệt chủng. Xương cạp khó mua lại càng hiếm. Số cạp hiếm hoi đếm chùng hai, ba trăm con. Chúng không ở rừng sâu nữa, mà lần ra ven rừng, bắt trâu bò, dê, lợn của dân để sống. Rồi lang thang lên về rình bắt người đi xem hát. Câu chuyện có ông bà nọ đốt đuốc chèo xuống đi xem hát, đêm về bị cạp vồ, người ta đồn nhau, gọi tắt riết còn ba chữ “xem hát

cọp”... Rình rập nhau để sống còn, là bản năng sinh tồn muôn đời của muôn loài.

Từ đó nảy sinh câu tục ngữ... hơi tục : “Qua truông, rẽ bòi cho khải” (Khải hay Ba mươi là tiếng người đường rừng ám chỉ cọp. Bòi là bộ phận sinh dục của phái nam).

Các cụ xưa muốn thử cao hổ cốt thật hay cao giả, bằng cách hòa cao đó trong chút rượu, bôi lên cọng của lá tre, xong thả trên mặt nước - chiếc lá quay mòng mòng là cao thật. Những kẻ bán cao giả, bôi trên lá tre một giọt crésyle đậm đặc, thả vào nước, chiếc lá tre quay mòng mòng... áng chừng như ẩn chứa cái mãnh lực của chúa sơn lâm vậy... Trò đời thật, giả chẳng biết đâu mà lần.

Các cụ ngày đó đo lường sức khỏe của nhau khi ngồi đánh tổ tôm, tứ sắc, xem lưng có còn thẳng không. Mắt còn tinh tường, không bị mờ để nhìn rõ quân bài. Trong chiếu bài, các cụ khoe mỗi tối uống một chung rượu nhỏ như hột mít, ngâm cao hổ cốt là khỏe khoản không hề mỏi mệt. Rồi truyền miệng nhau, để chẳng biết hiệu quả bao nhiêu phần trăm, nghe cho vui chứ thời đó nào đâu có kiểm nghiệm lâm sàng hay thống kê này nọ lôi thôi.

Xương cạp thứ thiệt, có một số nhận định như sau: Xương ống chân trước có một rãnh dài gọi là phượng nhãn, còn xương quay của ống quyển chân sau, rất mỏng.

Trong bộ xương cạp, xương đầu và xương ống quyển (gọi là hĩnh cốt) là tốt nhất.

Người ta truyền nhau những thuyết Hình Ý tương ứng và cho rằng ngoại hình biểu lộ nội dung, nội tại... để áp dụng trong nhiều món thuốc Á Đông như:

1/. Cứt Dơi (Dạ minh Sa) : trị bệnh về mắt vì dơi tinh mắt trong bóng tối (đúng ra dơi bay đêm nhờ radar). Máu dơi, trị xây xẩm, vì dơi treo ngược đu bám trên cành cây.

2/. Mật Gấu trị bầm dập, vì gấu leo trèo, té ngã không sao cả.

3/. Thận hay cật Dê, hay thận Hải Cẩu: ăn cường dương vì chúng mạnh về sinh dục.

4/. Vi cá mập, ăn mạnh gân cốt

5/. Tổ yến (nước dãi chim yến), ăn bổ phổi

6/. Hải sâm, sò huyết: ăn bổ âm, bổ dương, vì chúng mang hình dáng của bộ phận sinh dục người

... Rất nhiều món thuốc Á đông dựa trên lý thuyết này.

Thêm những món thuốc dựa trên biện chứng dịch lý như : Gạc nai non mới nhú, Nhung sừng mềm của loài hươu, nai - Chũ Nhung viết ghép với bộ thảo, với chũ nhĩ, miêu tả gạc nai trên vành tai. Nhung là gạc non mới nhú sau khi sừng già cũ rụng đi, có chứa nhiều tinh túy của cây cỏ tùy thời điểm khi chúng ăn để tự bồi bổ : Nhung mọc ra vào tiết hạ chí, là nhất âm sinh, bổ âm huyết. Nhung mọc ra vào tiết đông chí là nhất dương sinh, bổ dương khí.

... Toàn là lý luận biện minh cho sự ham muốn hưởng thụ của loài người, một sinh vật ác nhất trong muôn loài - Bản năng thú vật là khi đói mới sát hại nhau, khi hồ no nê, Ông chui vào hang tối, hoặc nằm ngay bên bờ suối giữa thanh thiên bạch nhật, không màng việc rình mò. Trong khi con người no bụng (không đói) vẫn sát hại nhau, rồi đổ thừa thú tính.

Trong chủ đề Xuân Cửa Đất Trời, năm nay (biết đâu lại thêm vào hai chữ khôn khó) với hình ảnh thành phố Saigon vắng tanh vắng ngắt... nhưng vẫn lan man mạn bàn về cao hổ cốt, một thành phẩm dùng làm quà cho tuổi cao niên được người thời đó rất quý.

Thời xưa chẳng cứ cao hồ cốt, cái gì mang lại thanh xuân hay những thức quý giá đều dành cho người giàu. Sự chênh lệch giữa người giàu, người nghèo biểu hiện trên nhiều phương diện, từ phẩm chất y trang y phục, đến bổ dưỡng trong ăn uống... Để người xưa đã dùng nhóm chữ Sâm Nhung Quế Phụ, miêu tả và hình dung thành phần giàu sang sống trong nhung gấm lụa là trong xã hội.

Sâm Nhung Quế Phụ, tuy đi liền bốn chữ, nhưng không phải là một, mà là tên của bốn loại đại bổ đời xưa dành cho người nhà giàu sử dụng, hưởng thụ tới đa để khỏe, trẻ lâu, đẹp đẽ và tăng sinh lực.... Điều này có lẽ thời nào cũng vậy. Kẻ có tiền bao giờ cũng tìm đủ cách hưởng dụng, đoạt lấy những ưu tiên sống ở cuộc đời.

Vậy Sâm là gì? Nhung là gì? Quế là gì? Phụ là gì? Tại sao đi nguyên một nhóm chữ, mà đời gọi chung là “Sâm Nhung Quế Phụ” :

❀ Vị thứ nhất, SÂM

Là tên gọi khái quát một số thân cây thuộc loại thân thảo mà củ và rễ cây này được sử dụng để làm thuốc từ rất lâu đời, và được coi là vị thuốc quý tại nhiều nước Á châu.

Sâm có nhiều chi họ khác nhau, thuộc nhiều chi nhánh khác nhau, nhưng cùng họ nhà sâm. Nhiều loại củ sâm hao hao giống hình người, đặc biệt là nhân sâm. Người ta dùng sâm ở dạng bột làm trà sâm, có ghi rõ trên bao bì là hồng sâm hoặc sâm trắng (sâm Hoa Kỳ, sâm Cao Ly). Sâm có tác dụng tẩm bổ, bao gồm cả sâm ở động vật như hải sâm, sâm đất. Sâm có nhiều loại:

- Nhân Sâm (Panax ginseng/ Asian ginseng): loại sâm được mô tả có sớm nhất và sử dụng phổ biến nhất. Theo lịch sử y học cổ truyền TQ, có từ 3000 năm trước công nguyên, được coi như thần dược trong “thần nông bản thảo” của vua Thần Nông.

- Đảng Sâm : Loại sâm mọc hoang và được đem gieo trồng ở Thượng Đảng.

- Huyền Sâm : loại sâm có màu đen.

- Đan Sâm: loại sâm có màu đỏ.

- Bồ Chính Sâm: loại sâm mọc hoang được sản xuất ở Bồ Trạch. Mọc nhiều ở Quảng Bình, Phú Yên, mà xưa kia Hải Thượng Lãn Ông đã phối hợp với chất khác để trị ho, trị gày còm ốm yếu và ngày nay làm thuốc bổ khí, thông tiểu, hạ sốt.

- Sâm Cau, Sâm Đại Hành, Sâm Hoàn Dương, Sâm Mây, Sâm Ngọc Linh.

- Sa Sâm: loại sâm mọc trên đất có pha cát.
- Thổ Nhân Sâm: sâm mọc trên đất.
- Nam Sâm có hai loại - Bàn Long Sâm - Điền

Thất nhân sâm.

- Sâm Ấn Độ.
- Sâm Nhật Bản.
- Sâm Hoa Kỳ, còn gọi là sâm Bắc Mỹ.
- Sâm Tây Bá Lợi Á, còn gọi là sâm Siberi, sâm

Liên xô.

- Sâm Đại Hàn, sâm Cao Ly.

❁ Vị thứ hai, NHUNG:

Là chất non nằm trong sừng hươu (lộc non). Dùng làm quà rất quý. Nhung tuy béo và bổ, nhưng không phải ai cũng dùng được.

Nhung hươu có vị ngọt, mặn, tính ấm, không độc, bổ dưỡng, tốt cho người bệnh tim, suy nhược thần kinh. yếu thần kinh, đổ mồ hôi trộm, yếu sinh lý. Giúp người bệnh ngủ ngon, giúp tăng sức đề kháng, vết thương chóng lành, dùng dưới dạng bột, hoặc viên, hoặc ngâm rượu. Nhung ngâm mật ong sau 35 ngày thì dùng được. Uống Nhung trước bữa ăn, phục hồi cho phụ nữ sau khi sanh.

Các cụ xưa dọa trẻ con, và những người béo phì không nên dùng Nhung, sẽ nứt da nứt thịt vì tính bổ.

❀ Vị thứ ba, QUẾ:

Y học Đông phương xem Quế là một trong bốn vị thuốc quý.

Việt Nam là một trong những nước trồng nhiều Quế, quế nhìn như vỏ cây, nhấm vào lưỡi thì cay cay và thơm thơm. Tên khoa học của quế là *Cinamonum Loureirii*. Thuộc họ Long não. Thân to và cao 10~20m, vỏ ngoài nứt nẻ, chia nhiều nhánh, mọc hoang trong rừng. Quế trồng bằng hạt hoặc chiết cành. Quế có hai loại Quế quan (quế thân), và Quế chi (quế cành), quế chi dùng nóng.

Nhờ tính nóng, tính ấm, quế sử dụng trong dân gian, chữa một số bệnh như cảm lạnh, không có mồ hôi, tê thấp, giảm lượng đường trong máu, tốt cho bộ tiêu hóa, trị vảy nến, mề đay, trứng hàn, trứng phong...

Ngày xưa cho quế là loại thân cây quý nên hay châm biếm mỉa mai, kỳ thị, ví von, khi thấy người con trai thân phận thấp kém nghèo hèn mà yêu cô con gái nhà quan hay nhà giàu cao quý hơn, với câu ví cay nghiệt “*Đũa mốc mà chòi (trèo) mâm son*”.

Rồi trường hợp người con gái nhà giàu lấy chồng bị cho là thân phận thấp kém, nghèo hèn hơn, thì bắt đầu chép miệng than thở “*Tiếc thay cây quế giữa rừng/ Để cho thằng mán thằng mường nó leo*”, như trường hợp công chúa Huyền Trân trong sử Việt, đem gả cho anh chàng họ Chế vua Chăm để đổi lấy hai châu Ô, châu Rí mở mang bờ cõi về phía nam... Đây cũng cho thấy thân phận gái nước nam từ bao đời cũng chỉ dùng để đổi chác như một món hàng nhưng các cụ “già mồm” cho dân Chiêm là mán mường mọi rợ, mà quên rằng nước Chiêm trước khi bị xóa tên trên bản đồ (ác độc và quả báo), đã một thời vàng kim, mạnh mẽ, kiêu hùng.

Quế mọc khắp nơi, nhưng quế Thanh Hóa được coi là giá trị nhất, vì phong thổ của vùng này thích hợp.

❁ Vị thứ tư, PHU (Phụ tử):

Là cây thuốc quý, thuộc dạng cỏ. Cao từ nửa mét đến 1 mét. Thân thẳng, có lông ngắn. Lá chia làm ba thùy, đường kính từ 5~7mm hình oval đứng dọc, răng cưa ở nửa trên. Hoa lớn, màu xanh tím, mọc thành chùm, dài 6~15cm. Bao hoa gồm 5 bộ phận. Quả có 5 cánh dài mỏng như giấy, hạt có vảy

trên mặt. Phụ tử có vị cay (tân), đắng (khô), có độc, đại nhiệt thuần dương.

Theo bản thảo cương mục thì phụ tử vị ngọt, rất nhiệt, rất độc. Người lạnh chân đắp phụ tử cho chân ấm lại. Theo Y học Khải nguyên thì phụ (tử) khí nhiệt và cay. Theo bản thảo kinh sơ, phụ tử cay, nóng, hơi ngọt, đắng mà rất độc. Theo trung dược học, phụ (tử) chủ trị các chứng vong dương, khí dương hư, hàn tý, âm thư. Không dùng cho người có thai. Trong sách Biệt lập, phụ (tử) là cây thuốc hàng đầu gây ra trụ thai.

Cây mọc hoang ở Hoàng Liên Sơn, Hà Tuyên vùng tây bắc. Rễ củ rễ cái gọi là Ô Đầu. Củ con đã chế biến gọi là phụ tử.

Có 4 loại phụ tử: Diêm phụ tử. Hắc phụ phiến. Bạch phụ phiến, Đạm phụ phiến.

Và phân thành hai loại đen, trắng. Hắc phụ tử chữa phần trên, bạch phụ tử chữa phần dưới thân thể,

Đây, “sâm nhung quế phụ”, bốn cây thuốc được cho là quý, vì chữa trị các chứng bệnh đời thường. Người nhà giàu xưa dùng nó để kéo dài tuổi

xuân, tăng sinh lực, hưởng thụ tối đa cái hạnh phúc trong cõi trăm năm tạm bợ vô thường

Ngày nay y học tân tiến, dược phẩm bào chế sẵn sàng, sâm nhung quế phụ chỉ còn là cái bóng mờ của một thời dĩ vãng. Nhưng đã góp phần tô đậm một thời vang bóng, vì đã là những thứ được con người sử dụng duy trì sức khỏe và tuổi xuân nơi trần thế.

Mong các vị cao niên sống trên trăm tuổi

Và XUÂN CỦA ĐẤT TRỜI muôn đời vẫn là Xuân... Xuân thái lai. Xuân bất tận.■

Mắt Nâu

